

VCE

Urah

BẢN SAO

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOAN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 16 -03- 2018
Số:-5505

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
MÔI TRƯỜNG - TKV**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 14 - 30 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường - TKV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lập Môi trường – TKV được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Xây lập Môi trường Nhân Cơ - TKV theo Quyết định cổ phần hóa số 2611/QĐ-TKV ngày 09 tháng 11 năm 2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 4 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R’Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Điện thoại : 05013 649366
- Fax : 05013 649355

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng sắt
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Nhân và chăm sóc giống nông nghiệp
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, thủy lợi, kết cấu hạ tầng, đường dây và trạm điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan
- Chi tiết: Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước, đo đạc bản đồ
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Gia công cơ khí
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Sửa chữa thiết bị khác
- Hoàn nguyên môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|----------|----------------------|
| Ông Lê Việt Quang | Chủ tịch | 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Phú Dương | Ủy viên | 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Phạm Minh Phúc | Ủy viên | 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Ủy viên | 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Ủy viên | 27 tháng 11 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Hoàng Văn Kiệm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Lê Mạnh Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2017 |
| Bà Đinh Thị Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Ngô Văn Tĩnh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Đặng Xuân Hiến | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2017 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|----------------|---|
| Ông Trần Văn Trung | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017 đồng thời thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Duy Pháp | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Khanh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2016 |
| Ông Trịnh Quốc Sơn | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2015 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Trung – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

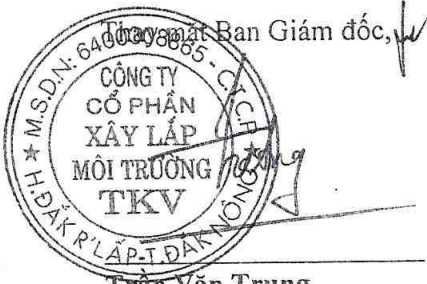
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Văn Trung
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2018



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0136/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 7 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 65.298.227.729 | 97.639.297.260 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 4.385.746.101 | 14.371.457.107 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.385.746.101 | 11.371.457.107 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 3.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 37.134.299.733 | 27.209.975.126 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 34.720.265.692 | 21.332.149.581 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 1.046.612.500 | 1.528.420.020 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 1.367.421.541 | 4.349.405.525 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 23.617.255.831 | 55.977.248.500 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 23.617.255.831 | 55.977.248.500 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 160.926.064 | 80.616.527 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6 | 109.242.471 | 80.616.527 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.10 | 51.683.593 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 18.304.304.375 | 30.541.811.364 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 18.304.304.375 | 30.535.256.357 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 18.304.304.375 | 30.535.256.357 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 107.307.384.511 | 107.179.202.693 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (89.003.080.136) | (76.643.946.336) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 6.555.007 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 6.555.007 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 83.602.532.104 | 128.181.108.624 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 27.731.720.325 | 72.876.790.153 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 27.731.720.325 | 72.876.790.153 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.8 | 10.545.466.301 | 14.852.126.475 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.9 | 193.043.766 | 49.855.646.749 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.10 | 2.625.366.526 | 2.634.167.328 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.742.815.072 | 871.949.337 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.11 | 2.441.946.315 | 71.040.315 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 4.922.687.054 | 271.500.582 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.13 | 4.260.395.291 | 4.320.359.367 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------|-------------|-----------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 55.870.811.779 | | 55.304.318.471 | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.14 | 55.870.811.779 | | 55.304.318.471 | |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | | 50.000.000.000 | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | | 50.000.000.000 | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | | - | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | | - | |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | | - | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | | - | |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | | - | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | | - | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | | - | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 265.215.924 | | - | |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | | - | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | | - | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 5.605.595.855 | | 5.304.318.471 | |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 773.886.623 | | 5.304.318.471 | |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 4.831.709.232 | | - | |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | | - | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | | - | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | | - | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | | - | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 83.602.532.104 | | 128.181.108.624 | |

Người lập biểu



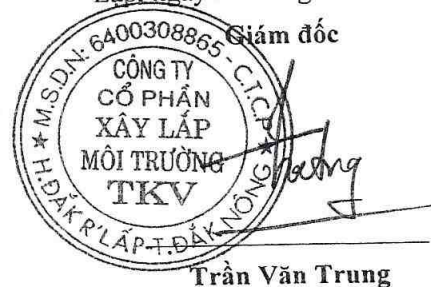
Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Sơn

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Trần Văn Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 122.954.952.623 | 192.567.589.382 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 122.954.952.623 | 192.567.589.382 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 104.251.211.371 | 178.990.544.592 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 18.703.741.252 | 13.577.044.790 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 272.597.375 | 118.984.195 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 9.973.081.498 | 10.258.590.800 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.003.257.129 | 3.437.438.185 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 94.644.929 | 3.385.356.504 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 2.422.312.414 | 93.492.962 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.327.667.485) | 3.291.863.542 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6.675.589.644 | 6.729.301.727 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 1.843.880.412 | 1.424.983.256 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 4.831.709.232 | 5.304.318.471 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | 918 | 1.008 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | 918 | 1.008 |

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trịnh Quốc Sơn

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Trần Văn Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|----------------|-------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 6.675.589.644 | 6.729.301.727 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.7 | 12.359.133.800 | 13.707.898.313 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (247.002.712) | (1.265.198.686) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 18.787.720.732 | 19.172.001.354 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (9.976.008.200) | 625.772.271 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 32.359.992.669 | 97.115.907.463 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (50.071.126.060) | (108.168.971.988) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (22.070.937) | 154.360.294 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.10 | (857.860.104) | (1.268.347.338) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (325.180.000) | (824.294.750) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (10.104.531.900) | 6.806.427.306 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (128.181.818) | (149.550.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 2.545.454.544 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (19.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 19.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 247.002.712 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 118.820.894 | 2.395.904.544 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số | minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|------|------------------------|-----------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (9.985.711.006) | 9.202.331.850 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 14.371.457.107 | 5.169.125.257 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 4.385.746.101 | 14.371.457.107 |

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trịnh Quốc Sơn

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Trần Văn Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác quặng sắt và quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, thủy lợi, kết cấu hạ tầng, đường dây và trạm điện; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước, đo đạc bản đồ; Xây dựng, phá dỡ các công trình đường sắt và đường bộ và công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có 71 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, phí đường bộ và bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 |
| Máy móc và thiết bị | 8-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 8-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 8-10 |
| Tài sản cố định khác | 4-5 |

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 25.056.932 | 28.513.698 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.360.689.169 | 11.342.943.409 |
| Các khoản tương đương tiền | | 3.000.000.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | | 3.000.000.000 |
| Cộng | <u>4.385.746.101</u> | <u>14.371.457.107</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>23.402.991.253</i> | <i>4.101.194.052</i> |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam | 23.402.991.253 | 4.101.194.052 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>11.317.274.439</i> | <i>17.230.955.529</i> |
| Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV | 10.303.636.692 | 15.365.681.496 |
| Các khách hàng khác | 1.013.637.747 | 1.865.274.033 |
| Cộng | <u>34.720.265.692</u> | <u>21.332.149.581</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>1.046.612.500</i> | <i>1.528.420.020</i> |
| Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc – Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát | | 528.420.020 |
| Các nhà cung cấp khác | 46.612.500 | |
| Cộng | <u>1.046.612.500</u> | <u>1.528.420.020</u> |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------------------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | | | |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>1.367.421.541</i> | | <i>4.349.405.525</i> | |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 1.137.500.000 | | 3.963.000.000 | |
| Tạm ứng | 173.675.322 | | 244.345.247 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 56.246.219 | | 142.060.278 | |
| Cộng | <u>1.367.421.541</u> | | <u>4.349.405.525</u> | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.656.223.049 | - | 2.349.381.666 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 20.961.032.782 | - | 53.627.866.834 | - |
| Cộng | 23.617.255.831 | - | 55.977.248.500 | - |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị các công trình dở dang đã hoàn thành trước năm 2017 nhưng chưa được nghiệm thu, quyết toán là 19.489.276.055 VND.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí bảo hiểm xe, máy móc thiết bị | 18.099.791 | 6.677.503 |
| Công cụ dụng cụ văn phòng | 33.469.188 | 16.577.419 |
| Phí đăng đường bộ và đăng kiểm | 33.653.490 | 15.988.273 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 24.020.002 | 41.373.332 |
| Cộng | 109.242.471 | 80.616.527 |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 11.636.984.488 | 58.909.018.012 | 36.338.828.253 | 294.371.940 | 107.179.202.693 |
| Mua trong năm | | 128.181.818 | | | 128.181.818 |
| Số cuối năm | 11.636.984.488 | 59.037.199.830 | 36.338.828.253 | 294.371.940 | 107.307.384.511 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | - | - |
| Chờ thanh lý | | | | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 5.174.297.239 | 42.373.382.922 | 28.836.390.008 | 259.876.167 | 76.643.946.336 |
| Khấu hao trong năm | 1.975.140.468 | 6.632.019.044 | 3.733.976.508 | 17.997.780 | 12.359.133.800 |
| Số cuối năm | 7.149.437.707 | 49.005.401.966 | 32.570.366.516 | 277.873.947 | 89.003.080.136 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 6.462.687.249 | 16.535.635.090 | 7.502.438.245 | 34.495.773 | 30.535.256.357 |
| Số cuối năm | 4.487.546.781 | 10.031.797.864 | 3.768.461.737 | 16.497.993 | 18.304.304.375 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 673.502.100 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam | | 673.502.100 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 10.545.466.301 | 14.178.624.375 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đoàn Bảo An | 2.631.136.485 | 1.557.886.269 |
| Công ty Cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin | 1.099.538.166 | 1.226.392.200 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Sơn | 1.931.914.867 | 1.628.217.191 |
| Công ty Khai thác Khoáng sản Tây Nguyên | - | 3.676.463.828 |
| Các nhà cung cấp khác | 4.882.876.783 | 6.089.664.887 |
| Cộng | 10.545.466.301 | 14.852.126.475 |

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 193.043.766 | 49.855.646.749 |
| BQL Dự án Tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng | 193.043.766 | 193.043.766 |
| BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ – Vinacomin | - | 49.662.602.983 |
| Cộng | 193.043.766 | 49.855.646.749 |

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|----------------------------|----------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2.049.619.923 | | 7.370.214.804 | (8.335.879.588) | 1.083.955.139 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 555.391.079 | | 1.843.880.412 | (857.860.104) | 1.541.411.387 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 29.156.326 | | (33.226.709) | (47.613.210) | - | 51.683.593 |
| Các loại thuế khác | - | | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Cộng | 2.634.167.328 | | 9.183.868.507 | (9.244.352.902) | 2.625.366.526 | 51.683.593 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.675.589.644 | 6.729.301.727 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.543.812.414 | 337.992.962 |
| <i>Lãi chậm nộp tiền thuế và Bảo hiểm</i> | <i>46.406.414</i> | <i>91.692.962</i> |
| <i>Truy thu và phạt thuế</i> | <i>2.375.906.000</i> | |
| <i>Phụ cấp HDQT</i> | <i>121.500.000</i> | <i>244.500.000</i> |
| <i>Chi phí khác</i> | | <i>1.800.000</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| Thu nhập chịu thuế | <u>9.219.402.058</u> | <u>7.067.294.689</u> |
| Thu nhập tính thuế | <u>9.219.402.058</u> | <u>7.067.294.689</u> |
| Trong đó: | | |
| Thu nhập tính thuế từ 02/12/2015 đến 31/12/2015 | | 312.215.873 |
| Thu nhập tính thuế từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 | | 6.755.078.816 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 02/12/2015 đến 31/12/2015 | | 22% |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ sau 31/12/2015 | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i> | <u><i>1.843.880.412</i></u> | <u><i>1.419.703.256</i></u> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i> | | <u><i>5.280.000</i></u> |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>1.843.880.412</u> | <u>1.424.983.256</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|--------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>2.441.946.315</i> | <i>71.040.315</i> |
| Tạm trích bổ sung phí bảo vệ môi trường (*) | 2.375.906.000 | |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | <u>66.040.315</u> | <u>71.040.315</u> |
| Cộng | <u>2.441.946.315</u> | <u>71.040.315</u> |

(*) Phí bảo vệ môi trường tạm trích bổ sung theo kết luận tại Biên bản làm việc ngày 16 tháng 8 năm 2017 với đại diện Kiểm toán Nhà nước và Cục thuế tỉnh Đăk Nông. Tuy nhiên, Công ty chưa đồng ý với kết luận tại Biên bản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đại diện cơ quan quản lý Nhà nước chưa ban hành Quyết định chính thức về vấn đề này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 4.489.460.781 | 264.157.391 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam - tiền cổ tức và các khoản phải trả khác | 3.179.560.781 | 232.257.391 |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - tiền cổ tức và các khoản phải trả khác | 1.309.900.000 | 31.900.000 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 433.226.273 | 7.343.191 |
| Kinh phí công đoàn | 19.608.368 | - |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 169.196.445 | - |
| Cổ tức phải trả | 62.480.000 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 181.941.460 | 7.343.191 |
| Cộng | 4.922.687.054 | 271.500.582 |

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 2.642.734.795 | | (252.000.000) | 2.390.734.795 |
| Quỹ phúc lợi | 1.677.624.572 | | (73.180.000) | 1.604.444.572 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | | 265.215.924 | | 265.215.924 |
| Cộng | 4.320.359.367 | 265.215.924 | (325.180.000) | 4.260.395.291 |

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 50.000.000.000 | - | - | 50.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 5.304.318.471 | 5.304.318.471 |
| Số dư cuối năm trước | 50.000.000.000 | - | 5.304.318.471 | 55.304.318.471 |
| Số dư đầu năm nay | 50.000.000.000 | - | 5.304.318.471 | 55.304.318.471 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 4.831.709.232 | 4.831.709.232 |
| Trích lập các quỹ | - | 265.215.924 | (530.431.848) | (265.215.924) |
| Chia cổ tức | - | - | (4.000.000.000) | (4.000.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 50.000.000.000 | 265.215.924 | 5.605.595.855 | 55.870.811.779 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (*) | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam | 34.219.000.000 | 34.219.000.000 |
| Các cổ đông khác | 781.000.000 | 781.000.000 |
| Cộng | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

(*) Theo Quyết định số 2055/QĐ-TKV ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của TKV tại Công ty cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV theo hình thức TKV chào bán cổ phiếu TKV sở hữu trên sàn Upcom, phương thức chào bán theo hình thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sàn giao dịch. Thời gian thực hiện chào bán bắt đầu từ tháng 11/2017 cho đến khi bán hết số lượng dự kiến.

14c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐ/XLMT ngày 30 tháng 05 năm 2017 như sau:

| | VND |
|----------------------------------|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 4.000.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 265.215.924 |
| • Trích quỹ thưởng ban điều hành | : 265.215.924 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.219.549.675 | |
| Doanh thu dịch vụ khai thác và bốc xếp quặng bauxite | 34.273.989.158 | 45.964.691.112 |
| Doanh thu xây lắp | 85.283.611.462 | 146.017.487.097 |
| Doanh thu khác | 2.177.802.328 | 585.411.173 |
| Cộng | 122.954.952.623 | 192.567.589.382 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam - Công ty mẹ như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|----------------|------------------|
| Thi công dự án Xenamnoy | 4.853.047.174 | 3.717.136.222 |
| Thi công dự án Nậm Ngừm | 959.685.599 | |
| Thi công dự án Đèo Cà Phú Yên | 579.095.611 | 920.312.915 |
| Thi công Hàm Hải Vân 2 Đà Nẵng | 12.700.714.527 | |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 996.675.373 | |
| Giá vốn dịch vụ khai thác và bốc xếp quặng | 37.402.317.422 | 40.687.687.766 |
| Giá vốn sản phẩm xây lắp | 64.011.745.126 | 137.794.287.506 |
| Giá vốn khác | 1.840.473.450 | 508.569.320 |
| Cộng | <u>104.251.211.371</u> | <u>178.990.544.592</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 75.896.576 | 67.136.534 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 25.594.663 | 51.847.661 |
| Lãi tiền cho vay | 171.106.136 | |
| Cộng | <u>272.597.375</u> | <u>118.984.195</u> |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.783.938.320 | 4.757.844.850 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 37.109.382 | 37.356.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 17.778.104 | 329.151.669 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.172.374.688 | 2.258.843.844 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 113.132.223 | 284.661.234 |
| Các chi phí khác | 2.845.748.781 | 2.587.733.203 |
| Cộng | <u>9.973.081.498</u> | <u>10.258.590.800</u> |

5. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|-----------------------------|
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình | | 2.058.813.818 |
| Thanh lý tài sản cố định | | 1.265.198.686 |
| Thu nhập khác | 94.644.929 | 61.344.000 |
| Cộng | <u>94.644.929</u> | <u>3.385.356.504</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|----------------------|-------------------|
| Phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế | 46.406.414 | 91.692.962 |
| Phạt vi phạm hành chính về thuế | 200.000.000 | |
| Truy thu phí bảo vệ môi trường | 2.175.906.000 | |
| Chi phí khác | | 1.800.000 |
| Cộng | 2.422.312.414 | 93.492.962 |

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.831.709.232 | 5.304.318.471 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành | (241.585.462) | (265.215.924) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 4.590.123.770 | 5.039.102.547 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 918 | 1.008 |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu đang lưu hành đầu năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 5.000.000 | 5.000.000 |

7b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo thực tế phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu thay vì số tạm ước tính như trong Báo cáo tài chính năm 2016. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước tăng từ 796 VND lên thành 1.008 VND.

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm xác định theo 5% lợi nhuận sau thuế.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 21.999.978.190 | 23.987.735.496 |
| Chi phí nhân công | 16.215.254.963 | 15.334.551.114 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.359.133.800 | 13.707.898.313 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 40.027.633.914 | 35.597.603.052 |
| Chi phí khác | 8.730.530.966 | 3.624.799.010 |
| Cộng | 99.332.531.833 | 92.252.586.985 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.384.006.819 VND (năm trước là 1.445.486.889 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | Công ty con trong cùng tập đoàn |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Công ty con trong cùng tập đoàn |
| Công ty Cổ phần CMS Thành Đông | Công ty con trong cùng tập đoàn |
| Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam | Cổ đông lớn sở hữu 30% vốn điều lệ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam</i> | | |
| Chi phí thi công công trình | 5.841.652.568 | 7.893.043.069 |
| Chi phí thuê xe ô tô | 480.000.000 | 900.000.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 720.000.000 | |
| Cho công ty mẹ mượn tiền | 19.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Nhận lại tiền cho mượn | 19.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Công ty mẹ cho mượn tiền | | 12.800.000.000 |
| Trả lại tiền mượn từ công ty mẹ | | 12.800.000.000 |
| Tiền cổ tức phải trả công ty mẹ | 2.737.520.000 | |

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|---------------|-----------|
| <i>Nam (Tập đoàn TKV)</i> | | |
| Tiền cổ tức phải trả Tập đoàn TKV | 1.200.000.000 | |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.8, V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực dịch vụ khai thác quặng

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực dịch vụ khai thác quặng | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------|
| <i>Năm nay</i> | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 85.283.611.462 | 34.273.989.158 | 3.397.352.003 | 122.954.952.623 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 85.283.611.462 | 34.273.989.158 | 3.397.352.003 | 122.954.952.623 |
| | | | | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 21.271.866.336 | (3.128.328.264) | 560.203.180 | 18.703.741.252 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (9.973.081.498) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 8.730.659.754 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 272.597.375 |
| Chi phí tài chính | | | | |
| Thu nhập khác | | | | 94.644.929 |
| Chi phí khác | | | | (2.422.312.414) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (1.843.880.412) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 4.831.709.232 |
| | | | | |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | 128.181.818 |
| | | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân | | | | 12.359.133.800 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| <i>bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | Lĩnh vực dịch vụ khai thác quặng | | | Cộng |
|---|---|--------------------------|--------------------|------------------------|
| | Lĩnh vực xây lắp | Các lĩnh vực khác | | |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 146.017.487.097 | 45.964.691.112 | 585.411.173 | 192.567.589.382 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 146.017.487.097 | 45.964.691.112 | 585.411.173 | 192.567.589.382 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 8.223.199.591 | 5.277.003.346 | 76.841.853 | 13.577.044.790 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (10.258.590.800) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 3.318.453.990 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 118.984.195 |
| Chi phí tài chính | | | | - |
| Thu nhập khác | | | | 3.385.356.504 |
| Chi phí khác | | | | (93.492.962) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (1.424.983.256) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 5.304.318.471 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | 149.550.000 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | 13.852.227.209 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Số cuối năm | Lĩnh vực khai thác quặng | | | Cộng |
|--|---------------------------------|--------------------------|---------------|-----------------------|
| | Lĩnh vực xây lắp | Các lĩnh vực khác | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 65.562.864.911 | 11.201.136.692 | 2.452.784.400 | 79.216.786.003 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 4.385.746.101 |
| Tổng tài sản | | | | 83.602.532.104 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 8.589.687.784 | 7.015.835.752 | 317.747.918 | 15.923.271.454 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 11.808.448.871 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 27.731.720.325 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG - TKV

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Lĩnh vực xây lắp | Lĩnh vực khai thác quặng | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|------------------|--------------------------|-------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 93.802.865.550 | 15.365.681.496 | 291.698.946 | 109.460.245.992 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 18.720.862.632 |
| Tổng tài sản | | | | 128.181.108.624 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 60.256.201.381 | 4.522.495.660 | 116.498 | 64.778.813.539 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 8.097.976.614 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 72.876.790.153 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trịnh Quốc Sơn



Trần Văn Trung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực Quyền số SCT/BS

Ngày: 12/03/2018

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN VĂN LÚP



Nguyễn Văn Lúp

